

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/DS-ST
Ngày: 11-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nay

2. Bà Trần Thị Phương Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Văn Trường, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Châu Ngọc Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh **Phạm Văn N**, sinh năm 1994, là Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M. Căn cước công dân số 044094003739 cấp ngày 12/12/2023. Địa chỉ: Ấp T, xã G, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N: Chị **Phạm Thị Yến N1**, sinh năm 2001. Căn cước công dân số 092301005791 cấp ngày 10/8/2021. Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2025).

2. **Bị đơn:**

2.1. Ông **Đông Thanh P**, sinh năm 1975. Căn cước công dân số 095075012507 cấp ngày 20/8/2021. Địa chỉ: Ấp N, xã H, tỉnh Cà Mau.

2.2. Bà **Trần Kiều T**, sinh năm 1978. Căn cước công dân số 095178003716 cấp ngày 26/8/2021. Địa chỉ: Ấp N, xã H, tỉnh Cà Mau.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1994. Căn cước công dân số 045194004169 cấp ngày 23/02/2022. Địa chỉ: Khóm T, phường K, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T1: Chị **Phạm Thị Yến N1**, sinh năm 2001. Căn cước công dân số 092301005791 cấp ngày 10/8/2021. Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ (Theo Văn bản ủy quyền ngày 31/7/2025)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T1 là chị N1 trình bày:

Từ năm 2018 đến năm 2023, anh N là Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M có bán thức ăn và thuốc nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm) cho vợ chồng ông Đồng Thanh P và bà Trần Kiều T. Quá trình mua bán có thỏa thuận anh N cho ông P, bà T nợ khi mua hàng, nhưng sẽ thanh toán số tiền nợ vào cuối vụ thu hoạch tôm. Tuy nhiên, ông P và bà T không thanh toán hết nợ vào cuối vụ thu hoạch. Vào ngày 30/8/2023, ông P và bà T có trả cho anh N 18.000.000 đồng và đối chiếu công nợ chốt số tiền còn nợ 222.217.000 đồng, hai bên không thỏa thuận thời hạn trả và có thỏa thuận trả dần nợ; đồng thời, anh N cũng ngừng bán thức ăn nuôi tôm cho ông P, bà T. Nhưng từ khi đối chiếu công nợ ngày 30/8/2023 đến nay, ông P và bà T không trả nợ, anh N nhiều lần đến nhà ông P, bà T để đòi nợ nhưng ông P và bà T nhiều lần hứa hẹn nhưng không thực hiện.

Nay anh Phạm Văn N yêu cầu ông P và bà T trả anh N số tiền nợ là 222.217.000 đồng, anh N không không yêu cầu tính lãi, nhưng yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Chị Nguyễn Thị T1 là vợ anh N nên thống nhất với yêu cầu của anh N.

Bị đơn ông Đồng Thanh P trình bày: Ông bắt đầu mua thức ăn, thuốc thủy sản của anh N từ năm 2018 đến năm 2023. Bảng đối chiếu công nợ ngày 30/8/2023 chính là số tồn cuối kỳ và ông thống nhất còn nợ anh N số tiền là 222.217.000 đồng. Ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh N, lý do là khi mua thức ăn, thuốc thủy sản thì phía anh N có thỏa thuận chiếc khẩu nhưng phía anh N không thực hiện. Việc thỏa thuận chiếc khẩu chỉ thực hiện bằng lời nói nên ông không có tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án. Ông và bà Trần Kiều T là vợ chồng, chung sống trên 25 năm nay.

Bị đơn bà Trần Kiều T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, buộc ông P và bà T có nghĩa vụ thanh toán tiền còn nợ là 222.217.000 đồng. Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau đã triệu tập ông Đồng Thanh P và bà Trần Kiều T hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông P và bà T vẫn vắng mặt không rõ lý do; chị N1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh N khởi kiện yêu cầu ông P và bà T thanh toán tiền bán thức ăn, thuốc thủy sản. Ông P và bà T cư trú tại ấp N, xã H, tỉnh Cà Mau. Cho nên đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán và vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[3] Anh N yêu cầu ông P và bà T trả 222.217.000 đồng mà ông P và bà T đã mua thức ăn và thuốc thủy sản tại Hộ kinh doanh T3 do anh N làm đại diện với chủ thể thành lập là cá nhân. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, anh N cung cấp Bảng đối chiếu xác định công nợ ngày 30/8/2023 với số tiền tồn cuối kỳ là 222.217.000 đồng. Ông P thống nhất có ký kết đối chiếu công nợ số tiền trên nhưng không đồng ý trả mà yêu cầu anh N xem xét chiết khấu, còn lại bao nhiêu tiền thì yêu cầu được trả dần. Ông P cho rằng, giữa ông P và anh N có thỏa thuận chiết khấu khi thanh toán. Tuy nhiên, phía anh N không thừa nhận thỏa thuận này và ông P cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự thì: *“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”* và Điều 440 quy định về nghĩa vụ trả tiền: *“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng. 2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.”*

Bà T không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của anh N. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào tài liệu, chứng

cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án. Theo các Bảng đối chiếu xác nhận công nợ tháng 01/2021 và tháng 11/2021 thể hiện khách hàng “Anh P” và người ký tên tại mục khách hàng là bà Trần Kiều T; riêng Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 30/8/2024 do ông P ký tên, lăn tay tại mục khách hàng. Ông P xác định, ông và bà T là vợ chồng chung sống trên 25 năm nay.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh N yêu cầu ông P và bà T trả 222.217.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của anh N được Tòa án chấp nhận nên ông P và bà T phải chịu án phí số tiền là 11.110.850 đồng. Anh N không phải chịu án phí.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 – Cà Mau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 430, 440, Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn N đối với ông Đồng Thanh P và bà Đặng Kiều T2.

Buộc ông Đồng Thanh P và bà Trần Kiều T có trách nhiệm trả cho anh Phạm Văn N số tiền 222.217.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Đồng Thanh P và bà Trần Kiều T phải nộp 11.110.850 đồng

Anh Phạm Văn N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.555.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004701 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được hoàn lại toàn bộ.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2

Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng 7 - Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Khanh